TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số:250/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11/09/2025
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Thế Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng và ông Nguyễn Đức Hạnh

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Triệu Mùi Nái – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 245/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 05 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 217/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 08 năm 2025; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị N**,** sinh năm 1977.

Địa chỉ: Khu T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hải Dương (nay là xã C, thành phố Hải Phòng). Nơi ở hiện nay: Đài Loan. Số căn cước công dân 030177018364.

Người được bà N *ủy quyền gia, nhận văn bản:* Chị Vũ Thị C, sinh năm 1990. Khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương (nay là Tổ dân phố T, phường L, thành phố Hải Phòng).

- Bị đơn: Ông Cao Quang V, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Khu T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hải Dương (nay là xã C, thành phố Hải Phòng).

Các đương sự đều đề nghi xét xử vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin vắng mặt nguyên đơn bà Phạm Thị N *trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Cao Quang V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã K. Huyện C, tỉnh Hải Dương (nay là xã C, thành phố Hải Phòng) 29/05/2004. Sau khi kết hôn bà và ông V về sinh sống tại : Khu T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hải Dương (nay là xã C, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng C1 sống hạnh phúc với nhau đến năm 2015 thì để phát triển kinh tế gia đình bà đi lao động tại Đài Loan còn anh V ở nhà làm việc chăm sóc gia đình. Bà đi lao động tại Đài Loan nhiều năm nay không về nước chỉ lâu lâu bà mới về tham gia đình. Nguyễn nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống xa nhau không còn quan tâm đến nhau được nữa, vì vậy tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Đầu năm 2022 thì mâu thuẫn trầm trọng nhất và từ đó đến nay bà và ông V không còn quan tâm, liên lạc với nhau nữa. Đến nay bà xác định bà và ông V đã sống ly thân nhau từ rất lâu cụ thể là từ năm 2015 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện xin ly hôn ông V.

Về con chung: Bà và ông V có 01 con chung là Cao Quang H, sinh ngày 04/07/2005. Hiện con chung đã trưởng thành phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông V tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên bà ủy quyền cho chị C là người thay bà giao, nhận các văn bản với Tòa án.

Theo biên bản lấy lời khai của ông Cao Văn H1 *và bà* Vũ Thị C2 *là bố mẹ để anh* V *trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông Cao Quang V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kê kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã K. Huyện C, tỉnh Hải Dương (nay là xã C, thành phố Hải Phòng) 29/05/2004. Sau khi kết hôn bà N và ông V về sinh sống tại : Khu T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hải Dương (nay là xã C, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2015 thì để phát triển kinh tế gia đình bà N đi lao động tại Đài Loan còn ông V ở nhà làm việc chăm sóc gia đình. Trong quá trình chung sống với nhau tại Việt Nam thì bà N và ống V cũng có nhiều lần phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống và cách chi tiêu kinh tế gia đình. Bà N đi lao động tại Đài Loan nhiều năm nay không về nước chỉ lâu lâu bà N mới về thăm gia đình bên ngoại chứ không về thăm ông V và con. Thời gian đầu thì thấy bà N và ông V vẫn liên lạc với nhau, từ năm 2022 trở đi không thấy bà N và ông V liên lạc với nhau nữa. Nay bà N khởi kiện xin ly hôn ông V thì do ông V bận đi làm không thể đến Tòa án để làm việc được nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tôi cam đoan sẽ thông báo và giao lại các văn bản tài liệu của Tòa án cho ông V để ông V nắm được.

Về con chung: Bà N và ông V có 01 con chung là cháu Cao Quang H, sinh ngày 04/07/2005. Hiện con chung đã trưởng thành phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông V tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo xác minh tại Phòng quản lý xuất nhập cảnh: Bà Phạm Thị N**,** sinh năm 1977 thường xuyên xuất nhập cảnh lần xuất cảnh gần nhất là 13/11/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên toà sơ thẩm: Các đương sự đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt họ là đúng pháp luật. Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xử cho bà Phạm Thị N ly hôn ông Cao Quang V. Về con chung: Bà và ông V có 01 con chung là Cao Quang H, sinh ngày 04/07/2005. Hiện con chung đã trưởng thành phát triển bình thường và đã tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Bà Phạm Thị N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn Anh Cao Quang V, sinh năm 1962. Địa chỉ: Khu T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hải Dương (nay là xã C, thành phố Hải Phòng). Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS. Nguyên đơn xin xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị N và ông Cao Quang V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh Hải Dương (nay là xã C, thành phố Hải Phòng) vào ngày 29/05/2004 nên là hôn nhân hợp pháp. Bà N xác định vợ chồng chung sống phát sinh mâu

thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, tình cảm lạnh nhạt, không còn quan tâm đến nhau từ nhiều năm nay, sống ly thân nhau. Vì vậy cần xử cho bà N được ly hôn ông V.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N, ông V đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N, xử cho bà N được ly hôn ông V.

[2.2] Về quan hệ con chung: Bà và ông V có 01 con chung là cháu Cao Quang H, sinh ngày 04/07/2005. Hiện con chung đã trưởng thành phát triển bình thường và tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Toà không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Con chung đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết do đó HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Bà N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Phạm Thị N, xử cho bà Phạm Thị N ly hôn ông Cao Quang V.

2. Án phí: Bà Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (do chị Vũ Thị C nộp thay) theo biên lai ký hiệu BLTU/24 số 0001853 ngày 16 tháng 5 năm 2025 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (nay là Cục THADS thành phố H).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 30 ngày, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Đương sự;
- THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã Cẩm Giàng, thành phố Hải Phòng) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Bùi Thế Hưng